

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Q  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:03/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 30-01-2019  
Vv: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Kiều Văn Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Hoa và ông Nguyễn Nho Bản.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Lê – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thùy Tiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 / 01 /2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2018/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2018 về việc Tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/01/2019. Giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Chị Nguyễn Thị M**, sinh năm 1984;

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn , xã Phú C, huyện Q, Thành phố Hà Nội. Chị M có mặt tại phiên tòa.

*Bị đơn:* **Anh Hoàng Văn C** sinh năm 1981.

ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn Xuân T, xã Hòa Lộc, huyện H, Tỉnh Thanh Hóa. Ngày 05 /01/2019 anh C có đơn yêu cầu Tòa án huyện Quốc Oai giải quyết ly hôn và có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 23/7/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/12/2018 của chị M, lời khai tại phiên tòa, chị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Hoàng Văn C tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân L, huyện Hón Q, tỉnh Bình Phước ngày 14/6/2007. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và từ năm 2009 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó chị M yêu cầu được ly hôn anh C, anh C đồng ý ly hôn và ký đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Thu T, sinh ngày 18/4/2007. Hiện tại con đang ở với chị M. Khi ly hôn chị M xin nuôi con đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị M và anh C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị M tự nguyện nộp toàn bộ án phí theo quy định.

*Bị đơn anh Công trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn C và chị Nguyễn Thị M tìm hiểu tự nguyện cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân L, huyện H, tỉnh Bình Phước ngày 14/6/2007. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống được khoảng 1 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chị M bế con bỏ về quê sống đến nay hai vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị M làm đơn xin ly hôn anh C đồng ý ly hôn. Anh C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội giải quyết ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Thu T, sinh ngày 18/4/2007. Hiện tại con đang ở với chị M. Khi ly hôn chị Mai xin nuôi con anh C đồng ý.

Về tài sản chung, công nợ: Anh C và chị M không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải nộp theo quy định

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy rằng sau khi thụ lý hồ sơ vụ án và nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai giải quyết ly hôn. Do đó về thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định quy định tại Điều 48; 195; 196 của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự; Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn có đơn xin xét xử mặt.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28,35; Điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng các Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M. Xử cho chị M được ly hôn anh C và giao con cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị M không yêu cầu cấp dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết do các đương sự có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội nơi nguyên đơn cư trú giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, Điều 35; Điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; tiến hành thu thập chứng cứ, hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có mặt; bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn, bị đơn có đủ căn cứ xác định:

+Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Hoàng Văn C tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Tân L, huyện H, tỉnh Bình Phước ngày 14/6/2007. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyễn Nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp, dẫn đến tình cảm vợ chồng và từ năm 2009 đến nay hai vợ chồng sống ly thân dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm đến nhau nữa, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và quá trình thu thập chứng cứ anh C đồng ý ly hôn và không yêu cầu hòa giải. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn C.

+Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Hoàng Văn C có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Thu T, sinh ngày 18/4/2007. Hiện tại con đang ở với chị M. Quá trình thu thập chứng cứ chị M xin nuôi con và anh Công đồng ý để chị M tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của chị M và anh C là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu T. Do đó áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M và anh C. Giao cho chị M tiếp tục nuôi cháu T đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Mai và anh Công không yêu cầu. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Công cho đến khi có Quyết định khác.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung, công sức, công nợ:* Chị M và anh C đều xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Buộc chị M phải nộp án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng;

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm b Khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; khoản 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn C.

1.1 - Về con chung chị M và anh C có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Thu T, sinh ngày 18/4/2007 hiện nay đang ở với chị M. Giao cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu T đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M và anh C không yêu cầu. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh C cho đến khi có Quyết định khác.

Anh Công có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

1.2 - Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị Nguyễn Thị M và anh Hoàng Văn C khẳng định không có nên không yêu cầu giải quyết.

2 – Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị M đã nộp đủ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0010621 ngày 18/12/2018 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quốc Oai.

3 - Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hà Nội;
- VKS huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- 

Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Kiều Văn Thành**

